

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-PT

Ngày 14-03-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất, bồi thường thiệt hại về tài sản,
mở đường thoát nước

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- T2 phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản, mở đường thoát nước”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1957;
2. Ông Võ Hoàng K, sinh năm 1978;
3. Bà Võ Thị Thu G, sinh năm 1980;
4. Ông Võ Đông G1, sinh năm 1982;
5. Ông Võ Thanh H, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà G, ông G1 và ông H: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T2 P, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Thu C, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn T2 P, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Hà Vĩnh P1, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1947. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã N, thành phố T3, Long An.

5. Bà Nguyễn Kim Q, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Địa chỉ: Số 382 V, xã A, thành phố T3, Long An.

7. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q1 - Phó chủ tịch.

- Người kháng cáo: Ông Võ Văn T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (đã chết) và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L do ông Võ Văn T1 là người đại diện trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị L là con của bà Nguyễn Thị T4 (chết năm 2004) và ông Nguyễn Văn K1 (ông K1 mất trước năm 1998). Ông K1 và bà T4 có 6 người con chung gồm Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Kim L1, Nguyễn Kim Q, Nguyễn T2 P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Kim Y. Ngày 08/01/1998, bà T4 lập Tờ tương phân chia cho bà L một phần đất thuộc thửa số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An có vị trí từ mí mã ông ngoại kéo thẳng qua đất ông hai Vui (cha ông Hà Vĩnh P1) trở ra mé bờ đê. Khi bà T4 cho bà L đất, ông P cũng biết và có ký tên trong Tờ tương phân ngày 08/01/1998.

Sau khi được cho đất, bà L trồng một số cây dừa và 01 bụi trái nhưng nay không còn do ông P đã đốn. Khi bà T4 cho bà L là đất lóp có đường mương, không nói diện tích, kích thước cụ thể, không có cắm ranh. Bà L không có sử

dụng do lo đi làm ăn và nghĩ là đã được cho đất rồi. Sau đó, ông P mới ban đất lóp ra T2 đất nền và đồn cây trồng của bà L. Khi đó, vợ chồng ông có ngăn cản thì cãi nhau nên bà L khởi kiện từ năm 2014 cho đến nay.

Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005, bà L có ký tên là để ông P làm giấy tờ phân đất còn lại phía sau của thửa 1718 và đất ruộng để thờ cúng ông bà chứ không phải cho luôn phần đất mà bà T4 đã tương phân cho bà L năm 1998.

Năm 2014, bà L làm đơn khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với 1 phần thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An. Năm 2017, bà L chết, ông T1 (chồng bà L) và các con gồm Võ Hoàng K, Võ Thị Thu G, Võ Đông G1, Võ Thanh H là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L tiếp tục giữ yêu cầu khởi kiện của bà L và có bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Thành P trả lại phần đất có ký hiệu khu F diện tích $186.3m^2$, khu E diện tích $49.8m^2$ và yêu cầu hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P đối với phần đất ký hiệu khu E và khu F thuộc một phần thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Yêu cầu ông Nguyễn Thành P khai thông lại đường nước tưới tiêu phần đất có ký hiệu khu D, diện tích $574.4m^2$ thuộc một phần thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. Yêu cầu ông Nguyễn Thành P cho đặt ống thoát nước từ thửa 1686, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An ra đường nước ký hiệu khu D để phục vụ sinh hoạt, kích thước ống nhựa phi 300, dài giáp đường liên xóm đá xanh $3.4m + 1.1m$; chiều sâu tương ứng với đường thoát nước ký hiệu khu D.

(Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T.)

4. Yêu cầu ông Nguyễn Thành P bồi thường thiệt hại (09 cây dừa x 100.000 đồng/cây = 900.000 đồng), bụi trãi (100 cây x 5.000 đồng/cây = 500.000 đồng) mà ông P đã đồn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định chỉ tranh chấp quyền sử dụng phần đất khu E, F còn các yêu cầu khác nguyên đơn xin rút đơn. Về Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T và về giá đất, cây trồng theo Biên bản định giá ngày 19/7/2019 nguyên đơn thống nhất, không có ý kiến hay yêu cầu định giá lại.

Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông biết việc mẹ ông là bà T4 có cho đất các anh chị em năm 1998. Khi mẹ ông còn sống có thay đổi gì thì ông không biết. Sau khi mẹ ông chết, ngày 25/10/2005 các anh chị em đã lập Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho ông được thừa hưởng đất đai trong đó có thửa 1718. Khi đó, có đầy đủ anh chị em ký tên, không ai thắc mắc gì. Ngày 13/02/2006, ông được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất thửa số 1718, diện tích 7.421m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Việc bà L đem dừa, trái qua trồng trên phần đất tranh chấp khu E, F là do mẹ ông trước đây cho bà L quản lý chứ không cho luôn đất. Các cây dừa thì do cha mẹ trồng và ông hưởng. Bà L có trồng một vài cây nhưng khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1718 thì ông ban đất lóp ra, đổ thêm đất thành đất nền bằng phẳng và trồng cây như hiện nay.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì thửa đất số 1718 ông được thừa kế theo đúng quy định pháp luật. Thửa 1718 ông không thực hiện giao dịch nào làm phát sinh quyền lợi người thứ ba. Về Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T và về giá đất, cây trồng theo biên bản định giá ngày 19/7/2019 ông thống nhất, không có ý kiến, không có yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim L1, Nguyễn Kim Q, Nguyễn Kim Y trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An trước đây là đất vườn của ông bà để lại. Ngày 08/01/1998, bà T4 đã làm tờ tương phân chia đất cho bà L khoảng 4 công (luôn cả thửa 1686). Các bà không biết chính xác diện tích bà L được cho trong thửa 1718 là bao nhiêu nhưng chỉ biết là từ mã ông ngoại trở ra lộ đá xanh (ruộng). Trong giấy tương phân năm 1998 thì có ông T2, bà Q, ông P và bà L ký tên còn bà L1, bà Y không ký tên do ở xa.

Do ông P không có đường đi vô nên bà L mới cho đường đi chứ không phải là đất của ông P. Trừ phần lối đi thì phần đất còn lại thuộc 1 phần thửa 1718 có chiều ngang khoảng 5m hay 6m, chiều dài là từ mí mã ông ngoại trở ra ruộng là của bà L. Bà L không trồng cây cối cũng như không cất nhà ở gì trên đất được cho do đất bà L có nhiều làm không hết.

Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005, ông T2, bà L1, bà Q, ông P, bà L, bà Y có ký tên mục đích là chia ruộng cho ông P để thờ cúng chứ nghĩ đất của ai thì nấy làm, đâu nghĩ ông P lại chiếm luôn phần đất thuộc 1 phần thửa 1718 của bà L đã được bà T4 cho. Mọi người không có đồng ý cho ông P toàn bộ thửa 1718 nhưng lại ký tên trong Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005 là do sơ ý nghĩ đã cho đất người nào cũng có phần rồi. Do bận công việc nên các bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T2, Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Vĩnh P1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ

nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L là: Ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1, ông Võ Thanh H đối với ông Nguyễn Thành P về việc tranh chấp phần đất có ký hiệu khu F diện tích 186.3m², khu E diện tích 49.8m² và yêu cầu hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T2 P phần đất ký hiệu khu E và khu F thuộc một phần thửa đất số 1718, diện tích 7.421m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T duyệt ngày 24/02/2022.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Yêu cầu ông Nguyễn Thành P khai thông lại đường nước tưới tiêu phần đất có ký hiệu khu D, diện tích 574.4m² thuộc một phần thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Yêu cầu ông Nguyễn Thành P cho đặt ống thoát nước từ thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An ra đường nước có ký hiệu khu D để phục vụ sinh hoạt, kích thước ống nhựa phi 300, dài giáp đường liên xóm đá xanh 3.4m + 1.1m; chiều sâu tương ứng với đường thoát nước ký hiệu khu D.

(Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T duyệt ngày 24/02/2020).

- Yêu cầu ông Nguyễn Thành P bồi thường thiệt hại (9 cây dừa x 100.000 đồng/cây = 900.000 đồng), bụi trái (100 cây x 5.000 đồng = 500.000 đồng) mà ông Nguyễn Thành P đã đồn.

Về quyền khởi kiện: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 09/5/2022, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng của ông Võ Văn T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Thành P trả lại phần đất thuộc khu F diện tích 186,3m² và

khu E diện tích 49,8m² thuộc một phần thửa 1718 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P đối với một phần thửa 1718 tại khu E và F.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Nguyên đơn cho rằng bà L được bà T4 chia cho phần đất khu E, F theo Tờ tương phân ngày 08/01/1998. Tuy nhiên, theo Tờ tương phân thể hiện "... còn lại miếng đất thừa từ mí con đường đất đi vào nhà máy về phía nhà anh hai Nhi là của Nguyễn Kim L ..." chứ không thể hiện là bà L được cho diện tích là bao nhiêu m² đất, khi cho đất cũng không cấm trừ để phân chia, xác định vị trí, kích thước đất. Trước đây, bà L xác định có trồng một số cây nhưng nay không còn do ông P đã nhổ, đốn không còn dấu vết.

Tại Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L ngày 21/8/2014, ngày 27/10/2014 thì yêu cầu ông Nguyễn Thành P trả lại cho bà phần đất được bà T4 cho có kích thước khoảng (chiều ngang 5m x chiều dài 40m), nhưng theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/02/2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất T (đo đạc thực tế theo sự xác định của nguyên đơn) thể hiện chiều ngang phần đất mà nguyên đơn đang tranh chấp có hình thể 1 đầu là góc nhọn, đầu còn lại dài 9,4m, hai cạnh dài còn lại là hình gãy khúc không đều nhau. Như vậy, về hình thể thửa đất nguyên đơn trình bày không có sự tương đồng mà khác nhau hoàn toàn. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không xác định được phần đất được cho cụ thể như thế nào mà chỉ xác định trừ 5m ngang của lối đi, trừ đường nước thì phần còn lại là đất của bà L.

Tại Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005 có bà L ký tên thể hiện sau khi bà T4 chết, các anh chị em đã thống nhất chia toàn bộ thửa đất số 1718 cho ông Nguyễn Thành P với diện tích là 7.421m² (trọn thửa). Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà L1, bà Q, bà Y cho rằng các bà ký tên để cho ông P phần đất còn lại của thửa 1718 chứ không phải cho luôn phần đất đã được tương phân năm 1998 cho bà L. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày miệng không có căn cứ, không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Như vậy, căn cứ Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005 xác định bà L đã từ chối luôn cả phần đất được bà T4 chia cho trong thửa 1718

theo Tờ tương phân ngày 08/01/1998. Cho đến nay, không ai khiếu nại hay thắc mắc gì về Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Do đó, việc ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1718, diện tích 7.421m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An là phù hợp với Điều 99 của Luật Đất đai.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của ông Võ Văn T1 không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Nguyên đơn ông Võ Văn T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Thành P trả lại phần đất thuộc khu F diện tích 186,3m² và khu E diện tích 49,8m² thuộc một phần thửa 1718, tờ bản đồ số 3, tại xã M, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T duyệt ngày 24/02/2020, đồng thời hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành P đối với phần đất này. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Nguyên đơn cho rằng bà L đã được mẹ là bà Nguyễn Thị T4 cho một phần thửa 1718 tại khu E và khu F theo Tờ tương phân ngày 08/01/1998. Tuy nhiên Tờ tương phân này chỉ thể hiện “... còn lại miếng đất thừa từ mí con đường đất đi vào nhà máy về phía nhà anh hai Nhi là của Nguyễn Kim L ...” chứ không xác định kích thước cụ thể, diện tích bao nhiêu, khi cho cũng không cắm ranh. Bà L xác định sau khi được cho đất có trồng một số cây dừa và 01 bụi trầu nhưng hiện nay cũng không còn, sau khi được cho đất đến nay bà cũng không sử dụng phần đất này.

[5] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất được bà T4 cho nhưng nguyên đơn lại không xác định được phần đất bà T4 cho bà L cụ thể như thế nào, kích thước, diện tích bao nhiêu mà chỉ xác định trừ 5m ngang của lối đi, trừ đường nước thì phần còn lại là đất của bà L.

[6] Mặt khác, tại Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005 thể hiện sau khi bà T4 chết, tất cả anh chị em đã thống nhất chia toàn bộ thửa đất

1718 cho ông P với diện tích là 7.421m². Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà L1, bà Q, bà Y cho rằng các bà ký tên là để chia cho ông P phần đất còn lại của thửa 1718 chứ không phải cho luôn phần đất mà bà T4 đã cho bà L theo Tờ tương phân ngày 08/01/1998, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Cho dù bà L có được bà T4 cho một phần thửa 1718 thì căn cứ Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/10/2005 bà L cũng đã từ chối nhận đối với phần đất này.

[7] Do đó, việc ông P được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1718 là phù hợp với quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 99 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, ông Võ Văn T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[10] Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T1.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 165, 217, 218, 227, 228, 273, 296 và và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 49 và 50 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 99 và 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 và Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L là ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1 và ông Võ Thanh H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Thành P. Cụ thể đối với các yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Thành P trả lại phần đất thuộc khu F diện tích 186,3m² và khu E diện tích 49,8m², cùng thuộc một phần thửa 1718, tờ bản đồ số 3, tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 806962, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02508/2/871 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Thành P ngày 13/02/2006 đối với một phần thửa 1718 (thuộc khu F và khu E), tờ bản đồ số 3, tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1 và ông Võ Thanh H về việc mở đường thoát nước và bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Nguyễn Thành P. Cụ thể đối với các yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Thành P khai thông lại đường nước tưới tiêu phần đất có ký hiệu khu D, diện tích 574.4m² thuộc một phần thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Buộc ông Nguyễn Thành P cho đặt ống thoát nước từ thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Long An ra đường nước có ký hiệu khu D để phục vụ sinh hoạt, kích thước ống nhựa phi 300, dài giáp đường liên xóm đá xanh 3.4m + 1.1m; chiều sâu tương ứng với đường thoát nước ký hiệu khu D.

- Buộc ông Nguyễn Thành P bồi thường thiệt hại (9 cây dừa x 100.000 đồng/cây = 900.000 đồng), bụi trái (100 cây x 5.000 đồng = 500.000 đồng) mà ông Nguyễn Thành P đã đốt.

3. Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng các phần đất trên được thể hiện theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T duyệt ngày 24/02/2020.

4. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1, ông Võ Thanh H phải liên đới chịu toàn bộ với số tiền 11.930.000đ (mười một triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1, ông Võ Thanh H phải liên đới chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số 350.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001435, ngày 26/01/2015 và 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007290, ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Ông Võ Văn T1, ông Võ Hoàng K, bà Võ Thị Thu G, ông Võ Đông G1, ông Võ Thanh H được hoàn lại 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

